

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Điện; Chuyên ngành: Hệ thống điện

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Đức Tùng

2. Ngày tháng năm sinh: 28/3/1984; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Xuân Hồng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 16/8, Nam Cao, Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Lê Đức Tùng, Viện Điện, trường ĐHBK Hà Nội, 01 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0943842803;

E-mail: tung.leduc1@hust.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2011 đến năm 2012: Nghiên cứu viên tại Phòng thí nghiệm G2elab, Grenoble, Pháp

Chức vụ: Hiện nay: Giảng viên, Bí thư Đoàn TN trường; Chức vụ cao nhất đã qua: Bí thư Đoàn TN trường

Cơ quan công tác hiện nay: Bộ môn Hệ thống điện, viện Điện, trường Đại học Bách khoa Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: 01, Đại cồ việt, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 024 3869 4242

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Chi

giảng dạy tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 05 tháng 7 năm 2007, ngành: Kỹ thuật điện, chuyên ngành: Hệ thống điện

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Đại học Bách Khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 8 tháng 11 năm 2011, ngành: Kỹ thuật điện-điện tử, chuyên ngành: Hệ thống điện

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Viện Bách Khoa Grenoble, Pháp

- Được cấp bằng TS ngày 03 tháng 5 năm 2012, ngành: Kỹ thuật điện-điện tử, chuyên ngành: Hệ thống điện

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Grenoble, Pháp

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (Hội đồng I: Điện, Điện tử)

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Điện-Điện tử-Tự động hóa

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu các phương pháp số áp dụng tính toán trường điện từ trong hệ thống điện
- Nghiên cứu về ổn định hệ thống điện; kết nối các nguồn năng lượng tái tạo vào hệ thống điện

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 4 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai);

- Đã hoàn thành 1 đề tài NCKH cấp Nhà nước; 2 đề tài NCKH cấp Cơ sở;

- Đã công bố (số lượng) 39 bài báo KH, trong đó 11 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 2, trong đó 2 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng 0 tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Giải thưởng khoa học công nghệ thanh niên Quả cầu vàng	Trung ương Đoàn-Bộ KHCN	2016
2	Giải thưởng nhà giáo trẻ tiêu biểu cấp Trung ương	Trung ương Đoàn	2019

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
----	-------------	-------------------	---------------	-------------------

Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Đạt tiêu chuẩn và luôn hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ của nhà giáo.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên *:

- Tổng số 7 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015			1	14	353	30	383/415/280
2	2015-2016	1		2	25	290	141	431/488/270
3	2016-2017	1		1	16	341.5	82.5	424/509.5/270
3 năm học cuối								
4	2017-2018	1			13	240.7	134	374.7/468.7/81
5	2018-2019				15	276		276/276/81
6	2019-2020				18	320		320/320/81

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☒:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Pháp năm 2011

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, học viên CH, BSCK, BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Đỗ Xuân Bình		X	X		03/2014 đến 11/2014	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	16/3/2015
2	Nguyễn Đức Hùng		X	X		08/2014 đến 10/2015	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	06/1/2016

3	Đại Nam		X	X		06/2015 đến 05/2016	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	22/8/2016
4	Trần Ngọc Vinh		X	X		03/2016 đến 10/2016	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	27/12/2016

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai số lượng NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							

1	Ứng dụng phần mềm ETAP mô phỏng hệ thống điện có tích hợp nguồn năng lượng tái tạo	TK	Nhà xuất bản khoa học & kỹ thuật, năm 2020	7	VC	(Phối hợp biên soạn từ trang 21 đến trang 47 và từ trang 158 đến trang 173)	Quyết định số 1012/QĐ-ĐHBK của Trường ĐHBK – Đại học Đà Nẵng
2	Développement de méthodes intégrales de volumes en électromagnétisme. Modélisation des dispositifs d'électronique de puissance	TK	Éditions universitaires Européennes, năm 2012	1	MM	(Toàn bộ)	Xác nhận sử dụng sách tham khảo của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 2

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;
- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Kết hợp các thuật toán thu nhỏ mô hình và phương pháp tích phân số áp dụng trong mô phỏng trường điện từ các hệ thống thiết bị điện có cấu trúc phức tạp	CN	102.01-2014.39, cấp Nhà nước	01/3/2015 đến 30/3/2017	23/9/2017; Kết quả đạt
2	Nghiên cứu sự cố cộng hưởng cơ điện trong hệ thống điện có nhà máy nhiệt điện và nhà máy điện nguyên tử: Xây dựng mô hình toán học các phần tử hệ thống và mô phỏng hiện tượng bằng phần mềm ATP/EMTP	CN	T2014-80, cấp Cơ sở	3/6/2014 đến 15/12/2014	26/12/2014; Kết quả tốt
3	Xây dựng phần mềm tính toán phân tích hệ thống điện có sử dụng các thuật toán tính toán hiệu năng cao	CN	T2016-PC-089, cấp Cơ sở	01/8/2016 đến 30/7/2017	15/12/2017; Kết quả tốt

Lưu ý:

- Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS;

Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Couplage de la méthode moment magnétique avec la méthode PEEC pour la résolution des problèmes magnétodynamique.	4	Có	6ème Conférence Européenne sur les méthodes numériques en Electromagnétisme (NUMELEC 2008), Liège, Belgique ISSN : 051 097023 5	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		, 26-27	2008
2	Introduction of Linear and non Conductive Materials in PEEC Method Using a Coupling with a Integral Volume Equation	4	Có	8th International Symposium on Electric and Magnetic Fields (EMF 2009), Mondovi, Italy. ISSN: 2030-546X	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		, 123-124	2009

3	Numerical experimentations on the coupling between PEEC and volume integral method	6	Có	17th Conference on the Computation of Electromagnetic Fields (COMPUMAG 2009), Florianopolis, Brazil. ISBN: 9781618394132	- Hệ thống CSDL quốc tế khác	4	, 7-8	2009
4	Inner-outer preconditioning strategy for 3D inductance extraction coupling with fast multipole method	5	Không	8th IET International Conference on Computation in Electromagnetics (CEM 2011), Wroclaw, Poland. ISBN: 9781618392282	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		, 36-37	2011
5	Software Coupling and Orchestration Tool to the Modeling of Multi-physic Problems	7	Không	18th Conference on the Computation of Electromagnetic Fields (COMPUMAG2011), Sydney, Australia/ISBN: 9781618394958	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		, 9(1)-9(2)	2011
6	A New Integral Formulation for Eddy Currents Computation in Thin Conductive Shells	4	Có	18th Conference on the Computation of Electromagnetic Fields (COMPUMAG2011), Sydney, Australia/ISBN: 9781618394958	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		, 1(1)-1(2)	2011

7	New Coupling between PEEC method and An integro-Differential Approach for Modeling Solid Conductor in the presence of Magnetic-conductive thin plates	4	Có	8th IET International Conference on Computation in Electromagnetics (CEM 2011), Wroclaw, Poland/ISBN: 9781618392282	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		, 30-31	2011
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
8	A General Integral Formulation for the Modeling of Thin Shells	4	Có	15th Biennial IEEE Conference on Electromagnetic Field Computation (CEFC 2012), Oita, Japan	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		,	2012
9	Compression matricielle d'une formulation intégrale par la méthode multipolaire rapide pour le calcul de courants de Foucault dans une région mince conductrice	5	Không	7ème Conférence Européenne sur les méthodes numériques en Electromagnétisme (NUMELEC 2012), Marseille, France			, 36-37	2012

10	Formulations intégrales pour la modélisation des régions minces conductrices	4	Có	7ème Conférence Européenne sur les méthodes numériques en Electromagnétisme (NUMELEC 2012), Marseille, France	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		, 66-67	2012
11	A New Integral Formulation for Eddy Current Computation in Thin Conductive Shells	4	Có	IEEE Transactions on Magnetics/ISSN: 0018-9464	ISI, Q1 - SCI IF: 1.916	23	48 , 2, 427- 430	2012
12	Coupling between partial element equivalent circuit method and an integro- differential approach for solving electromagnetics problems	4	Có	IET Science, Measurement & Technology/ISSN: 1751-8822	ISI, Q2 - SCI IF: 1.855		6 , 5, 394- 397	2012
13	General Integral Formulation for the 3D Thin Shell Modeling	5	Có	IEEE Transactions on Magnetics/ISSN: 0018-9464	ISI, Q2 - SCI IF: 1.73	8	49 , 5, 1989- 1992	2013

14	A Simple Integral Formulation for the Modeling of Thin Conductive Shells	5	Có	The European Physical Journal Applied Physics (EPJ-AP)/ISSN: 1286-0042	ISI, Q3 - SCI		64 , 2, 24513(1-6)	2013
15	Coupling between Partial Element Equivalent Circuit Method and Magnetic Moment Method	5	Có	The International Journal for Computation and Mathematics in Electrical and Electronic Engineering (COMPEL)/ ISSN: 0332-1649	ISI, Q3 - SCIE IF: 0.9		32 , 1, 383-395	2013
16	Circuit realization method for reduced order inductive PEEC modeling circuits	5	Có	The International Journal for Computation and Mathematics in Electrical and Electronic Engineering (COMPEL). ISSN: 0332-1649	ISI, Q3 - SCIE		35 , 3, 1203-1217	2016
17	Adaptive multi-point model order reduction scheme for large-scale inductive PEEC circuits	6	Có	IEEE Transactions on Electromagnetic Compatibility/ISSN: 0018-9375	ISI, Q1 - SCI IF: 2.019	12	59 , 4, 1143-1151	2017

18	Chattering-Free Single-Phase Robustness Sliding Mode Controller for Mismatched Uncertain Interconnected Systems with Unknown Time-Varying Delays	4	Không	Energies/ ISSN: 1996-1073	ISI, Q1 - SCIE IF: 3.06		13 , 282 (1-27)	2020
19	Modeling of Wind Power Generation for Probabilistic Power Flow Analysis	3	Có	GMSARN International Journal/ISSN:1905-9094	Scopus - Scopus		15 , 76-81	2020
20	3-D Integral Formulation for Thin Electromagnetic Shells Coupled with an External Circuit	2	Có	Applied Sciences/ ISSN: 2076-3417	ISI, Q1 - SCIE IF: 2.49		10 , 4248 (1-14)	2020
21	Mô phỏng trường tĩnh điện và lựa chọn hình dạng bản cực cho thiết bị phân tách rác thải điện tử	2	Không	Tạp chí khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng/ ISSN: 1859-1531			9 , 94, 55-58	2015

22	Mô phỏng mô hình chuẩn IEEE trong ATP-EMTP phục vụ nghiên cứu hiện tượng cộng hưởng dưới đồng bộ	1	Có	Tạp chí khoa học và công nghệ các trường đại học kỹ thuật/ ISSN: 2354-1083			110 , 001-006	2016
23	Xây dựng mô hình máy phát - turbine nhiệt điện trong Matlab phục vụ nghiên cứu cộng hưởng tần số dưới đồng bộ	5	Không	Tạp chí khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng/ISSN: 1859-1531			5 , 114, 61-65	2017
24	Điều khiển điện áp của hệ thống pin mặt trời tích hợp vào lưới phân phối	3	Không	Tạp chí khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng/ ISSN: 1859-1531			9 , 118, 9-13	2017
25	Thử nghiệm giao thức truyền thông IEC 60870-5-101/104 dùng trong hệ thống tự động hóa trạm biến áp	2	Không	Tạp chí khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng/ ISSN: 1859-1531			3 , 124, 33-37	2018

26	Phát triển công cụ tính toán bù công suất phản kháng tối ưu đa mục tiêu trong lưới điện phân phối	4	Không	Tạp chí khoa học và công nghệ các trường đại học kỹ thuật/ ISSN: 2354-1083			125 , 7-11	2018
27	Tính toán điện từ trường bằng phương pháp tích phân số - ứng dụng cho bài toán có cấu trúc dạng dây	4	Có	Tạp chí khoa học & công nghệ-trường ĐH Công nghiệp Hà Nội/ ISSN: 1859-3585			56 , 2, 33-37	2019
28	Analysis of temperature distribution in amorphous core dry-type cast-resin transformers via a finite element method.	4	Có	Journal of Military Science and Technology/ ISSN: 1859-1043			65 , 55-62	2019

29	Phương pháp trị riêng trong phân tích hiện tượng cộng hưởng dưới đồng bộ. Áp dụng cho mô hình IEEE FIRST BENCHMARK	1	Có	Tạp chí KH&CN- Đại học Thái Nguyên/ ISSN: 1859-2171			225 , 6, 229-236	2020
30	Xây dựng mô hình chức năng tự động đóng lặp lại của rơle bảo vệ kỹ thuật số bằng phần mềm matlab – simulink	2	Có	Tạp chí khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng/ ISSN: 1859-1531			18 , 4.1, 35- 40	2020
31	Design and power quality analysis of hybrid renewable energy system for Tho Chu island, Vietnam.	1	Có	Journal of Military Science and Technology/ ISSN: 1859-1043			66A , 66-75	2020
32	Voltage control of grid- connected PV system facing voltage sags	2	Có	Journal of Science & Technology- Technical Universities/ ISSN: 2354-1083			144 , 1- 5	2020

33	Áp dụng phương pháp tích phân số mô phỏng điện từ trường của trạm biến áp	2	Có	Tạp chí khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng/ ISSN: 1859-1531			18 , 5.1, 1-5	2020
34	Phân tích, đánh giá và giảm thiểu sóng hài trong lưới điện khi có kết nối hệ thống pin năng lượng mặt trời	2	Có	Tạp chí KH&CN quân sự/ ISSN: 1859-1043			67 , 85- 96	2020
35	Đánh giá ảnh hưởng của các nguồn điện phân tán tới sự làm việc của hệ thống bảo vệ trên lưới điện phân phối	2	Không	Tạp chí khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng/ ISSN: 1859-1531			18 , 7,	2020
36	Nghiên cứu ứng dụng thiết bị svc nhằm giảm thiểu sự cố cộng hưởng dưới đồng bộ trong hệ thống điện	1	Có	Tạp chí KH&CN quân sự/ ISSN: 1859-1043			68 , 1- 11	2020

37	Phát triển công thức lai tích phân – vi phân 3D dựa trên véc-tơ điện thế-Ứng dụng cho các bài toán có cấu trúc vỏ mỏng dẫn điện	1	Có	Tạp chí khoa học và công nghệ các trường đại học kỹ thuật/ ISSN: 2354-1083			145 ,	2020
38	Nghiên cứu sử dụng bộ lọc để loại trừ sự cố cộng hưởng dưới động bộ, áp dụng cho lưới điện IEEE FIRST BENCHMARK	1	Có	Tạp chí khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng/ ISSN: 1859-1531			18 , 7,	2020
39	GA based Multi-Objective optimizing size and location of one Statcom for global voltage sag mitigation in distribution system	4	Không	GMSARN International Journal/ ISSN:1905-9094	Scopus - Scopus		16 , 2, 1-7	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 9

Lưu ý: Tách thành 2 giai đoạn: Trước và sau khi bảo vệ luận án TS đối với ứng viên chức danh PGS; trước và sau khi được công nhận chức danh PGS đối với ứng viên chức danh GS.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
Không có				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS:

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ	Vai trò	Cơ sở giáo dục đại học
Không có			

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

tỉnh Thanh Hóa, ngày 30 tháng 06 năm 2020

Người đăng ký
(Ký và ghi rõ họ tên)